

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
BẢNG GHI ĐIỂM THI LẦN 2 HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2014 - 2015

Môn học: Địa chất đại cương (4040101)

CBGD:

Ngày thi:

Phòng thi: D3-1 Tiết 7,8

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Nhóm	Điểm thi	Mã đề thi	Số tờ	Ký nhận	Ghi chú
						A				
1	1	1321020009	Nguyễn Thế	Anh	01					
2	2	1321050101	Nguyễn Văn	Hường	01					
3	3	1321020133	Ngô Ngọc	Lam	01					
4	4	1321060181	Đỗ Đăng	Mạnh	01					
5	5	1221030357	Phạm Khắc	Mẫn	01					
6	6	1321020147	Lê Văn	Minh	01					
7	7	1321050129	Nguyễn Đức	Minh	01					
8	8	1324010183	Hà Thị Nga	My	01					
9	9	1321050661	Trịnh Thị	Phuong	01					
10	10	1121060139	Nguyễn Tiến	Thành	01					
11	11	1321020254	Bùi Đức	Vũ	01					
12	12	1221050044	Đào Thanh	Hiếu	02					
13	13	1321020106	Đinh Ngọc	Hoàn	02					
14	14	1321020125	Trần Quang	Khải	02					
15	15	1121030328	Vũ Xuân	Lân	02					
16	16	1221030138	Lê Trung	Thành	02					
17	17	1121070041	Lương Đình	Thắng	02					
18	18	1221030151	Lê Thị	Thùy	02					
19	19	1321020785	Lê Văn	Tuấn	02					
20	20	1321010012	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	03					
21	21	1121050102	Phùng Văn	Thuyền	03					
22	22	1321020791	Trương Sinh	Tuấn	03					
23	23	1321040001L	Angmisy Sayyavong	.	04					
24	24	1321040008L	Silavong Thipphavone	.	04					
25	25	1321040003L	Somsanith Viengkeo	.	04					
26	26	1321040004L	Soumany Keopaseuth	.	04					
27	27	1321040005L	Vilaxay Muentaseng	.	04					
28	28	1321020002	Lục Văn	An	04					
29	29	1321020410	Ngô Văn	Anh	04					
30	30	1321010016	Nguyễn Tú	Anh	04					
31	31	1321020443	Nguyễn Ngọc	Công	04					
32	32	1321020036	Nguyễn Ngọc	Cường	04					
33	33	1321010064	Phạm Thị	Diệp	04					
34	34	1321020456	Đỗ Mạnh	Dũng	04					
35	35	1321020043	Nguyễn Bá	Dũng	04					
36	36	1321020140	Nguyễn Thành	Long	04					
37	37	1321010248	Lê Tuấn	Nghĩa	04					
38	38	1321010017	Phạm Tuấn	Anh	05					
39	39	1321020422	Nguyễn Ngọc	ánh	05					
40	40	1321020430	Nguyễn Khương	Bình	05					
41	41	1321020030	Trần Văn	Chương	05					
42	42	1321020445	Đỗ Mạnh	Cường	05					

43	43	1221060027	Lý Văn	Dương	05					
44	44	1321020084	Bùi Thanh	Hải	05					
45	45	1321020523	Nguyễn Đình	Hạnh	05					
46	46	1321020526	Nguyễn Thị	Hào	05					
47	47	1321020090	Nguyễn Thị	Hằng	05					
48	48	1321020541	Nguyễn Trọng	Hiếu	05					
49	49	1321020555	Lê Văn	Hùng	05					
50	50	1321020566	Lê Văn	Huy	05					
51	51	1321020124	Vì Văn	Hường	05					
52	52	1321020590	Trần Quang	Khánh	05					
53	53	1321020153	Đình Phương	Nam	05					
54	54	1321020695	Bùi Hoàng	Sơn	05					
55	55	1321010301	Phạm Văn	Tài	05					
56	56	1321010319	Lê Phương	Thảo	05					
57	57	1321020211	Đặng Văn	Thuấn	05					
58	58	1321020803	Bùi Thanh	Tuyền	05					
59	59	1324010343	Vương Thị Quỳnh	Vân	05					
60	60	1321020005	Lê Đức	Anh	06					
61	61	1321020449	Nguyễn Văn	Cường	06					
62	62	1321010061	Nguyễn Huy	Dân	06					
63	63	1321020054	Phạm Văn	Duy	06					
64	64	1321020129	Nguyễn Đức	Khiêm	06					
65	65	1324010168	Lưu Thị Như	Loan	06					
66	66	1321020150	Phạm Văn	Minh	06					
67	67	1321020166	Nông Văn	Phuong	06					
68	68	1321020688	Lê Hữu	Quyền	06					
69	69	1321020193	Nguyễn Chí	Thanh	06					
70	70	1321010311	Cao Ngọc	Thành	06					
71	71	1321020209	Trương Thị Tuyết	Thu	06					
72	72	1321020263	Phùng Tài	Trần	06					
73	73	1321020242	Nguyễn Viết	Tuấn	06					
74	74	1321020001	Hoàng Thị Thúy	An	07					
75	75	1321020026	Hoàng Quốc	Cần	07					
76	76	1321020452	Đoàn Thị	Diệu	07					
77	77	1321020057	Nguyễn Hữu	Dương	07					
78	78	1321020065	Phạm Đình	Đạt	07					
79	79	1321020491	Đặng Tiến	Đông	07					
80	80	1321020708	Nguyễn Văn	Tập	07					
81	81	1321020199	Trần Văn	Thao	07					
82	82	1321020208	Nguyễn Thị	Thu	07					
83	83	1321020794	Lê Sơn	Tùng	07					
84	84	1321020798	Phạm Mạnh	Tùng	07					
85	85	1321020754	Lê Xuân	Tinh	08					
86	86	1321010052	Lý Văn	Cường	10					
87	87	1321010101	Phạm Văn	Đạt	10					
88	88	1121030296	Nguyễn Bá	Huân	10					
89	89	1321010172	Nguyễn Văn	Hùng	10					
90	90	1221030337	Lê Kế	Linh	10					
91	91	1321010353	Trần Văn	Thùy	10					
92	92	1321010358	Ngô Bá	Tiến	10					
93	93	1321010041	Mai Tuyết	Chinh	11					
94	94	1324010432	Bùi Đức	Cường	11					
95	95	1324010355	Đỗ Thị Thùy	Diên	11					
96	96	1224010041	Ngô Thị	Duyên	11					

97	97	1324010056	Nguyễn Thị Thùy	Dương	11					
98	98	1321050051	Vũ Bảo	Dương	11					
99	99	0821030217	Đào Văn	Đức	11					
100	100	1321020497	Nguyễn Đình	Đức	11					

CÁN BỘ COI THI 1:

CÁN BỘ COI THI 2:

TỔNG SỐ BÀI: TỔNG SỐ TỜ:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
BẢNG GHI ĐIỂM THI LẦN 2 HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2014 - 2015

Môn học: Địa chất đại cương (4040101)

CBGD:

Ngày thi:

Phòng thi: D3-2 Tiết 7,8

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Nhóm	Điểm thi	Mã đề thi	Số tờ	Ký nhận	Ghi chú
						A				
1	101	1324010454	Nguyễn Trọng	Đức	11					
2	102	1321020499	Nguyễn Văn	Đức	11					
3	103	1321030060	Nguyễn Thị	Hà	11					
4	104	1324010515	Nguyễn Thị Hoa	Hồng	11					
5	105	1324010124	Nguyễn Thị Thu	Huyền	11					
6	106	1321030651	Trần Đăng	Khánh	11					
7	107	1324010151	Bùi Thị Thùy	Linh	11					
8	108	1321020139	Nguyễn Văn	Linh	11					
9	109	1021050058	Trương Thành	Luân	11					
10	110	1121010220	Đỗ Khắc	Mạnh	11					
11	111	1121060102	Liêu Văn	Mạnh	11					
12	112	1224010190	Hoàng Thị	Nga	11					
13	113	1321030768	Nguyễn Tín	Nhường	11					
14	114	1021040202	Lê Hồng	Phong	11					
15	115	1324010242	Trần Hồng	Quân	11					
16	116	1021010333	Nguyễn Văn	Thế	11					
17	117	1324010283	Lê Thị	Thùy	11					
18	118	1324010299	Lý Thủy	Tiên	11					
19	119	1321070672	Nguyễn Văn Nhật	Tiến	11					
20	120	1221030467	Đặng Đình	Trọng	11					
21	121	1221020529	Trần Minh	Tuân	11					
22	122	1121010392	Vũ Thanh	Tùng	11					
23	123	1331030316	Nguyễn Thị	Thoa	10					

CÁN BỘ COI THI 1:

CÁN BỘ COI THI 2:

TỔNG SỐ BÀI: TỔNG SỐ TỜ: